TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2019/DS-ST
Ngày 18 tháng 11 năm 2019
V/v *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Dân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Lâm
2. Ông Phạm Thuận

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Thân Đức G**, sinh năm 1958;
Địa chỉ: Số 34 đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Nhà số 19 Đường Đ, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02/5/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Thân Đức G trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng V nợ của tôi tổng số tiền là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng). Cụ thể trong giấy nợ ngày 10/10/2013 bà V nợ 250.000.000 đồng và trong giấy nợ ngày 19/4/2014 bà V nợ tôi 270.000.000 đồng. Từ ngày viết giấy nợ đến nay tôi đã nhiều lần đòi tiền nhưng bà V vẫn không chịu trả tiền và cứ khất nợ mãi. Bà V đã hai lần viết giấy hẹn nợ với tôi: Lần đầu, bà V hẹn đến ngày 27/3/2018 sẽ trả đủ số tiền nợ cho tôi. Lần hai, vào ngày 16/01/2018 bà V viết giấy nợ hẹn đến ngày 28/3/2018 sẽ trả đủ tiền cho tôi, nhưng cho đến nay bà V vẫn không trả tiền theo giấy hẹn nợ. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải trả cho tôi số tiền nợ 520.000.000đ (năm trăm hai mươi

triệu đồng). Nếu bà V không thực hiện việc trả nợ thì đề nghị Tòa án tính tiền lãi theo lãi suất Nhà nước quy định hiện hành.

Tại bản tự khai ngày 25/9/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

- Tôi và ông Thân Đức G trước đây làm cùng cơ quan với nhau, ông G có đưa nhờ tôi một số hồ sơ xin việc và tôi đã nhận giúp đưa qua cho ông Lê Cao Bách và bà Anh, trú tại 168 Ngũ Hành Sơn, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tất cả hồ sơ và kinh phí trong số hồ sơ và tiền ông G giao qua cho tôi. Tôi đã bán đất và cố gắng trang trải gần hết, còn lại một ít vì số tiền tôi giao bên vợ chồng ông Bách và bà Anh chưa trả lại, trong đó có cháu Nguyễn Thái Hoàng 270.000.000 đồng, Lê Văn Thoại 220.000.000 đồng. Tôi nhận tiền của ông G, tôi đã trả rất nhiều lần, số tiền còn thiếu tôi không trả nỗi nên tôi đã làm đơn kiện đến Công an thành phố, vì tất cả những số tiền tôi nhận từ ông G, trong đó có 520.000.000 đồng là của hai bộ hồ sơ mà ông G đã kiện tôi tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đều là hồ sơ và tiền xin việc làm chứ không phải tiền vay mượn. Đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ này cho Công an thành phố Đà Nẵng điều tra làm rõ về hình sự.

Tại phiên Tòa dân sự sơ thẩm ngày 24 tháng 12 năm 2918, bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G. Tôi xác định số tiền mà tôi nhận của ông G là tiền để chạy việc cho những người có nhu cầu xin việc. Tôi và ông G đều là người môi giới chạy việc, nên đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Nẵng để điều tra làm rõ hành vi của tôi và ông G, hiện nay Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cũng đang thụ lý đơn của tôi. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24 tháng 01 năm 2019, bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày và có đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để bà có thời gian cung cấp tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án đến Công an thành phố Đà Nẵng để giải quyết vì có dấu hiệu hình sự.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thông báo, gửi các quyết định cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng thời hạn, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Ông Thân Đức G và Nguyễn Thị Hồng V nhiều lần giao và nhận tiền với nhau, có một số giấy nhận tiền với nội dung bà V khắc phục hậu quả cho những người ông G nhờ bà V xin việc, có một số giấy nhận tiền không thể hiện nội dung vay mượn chỉ xác nhận có việc giao nhận tiền. Tuy nhiên đến ngày 16/01/2018 bà V viết giấy xác nhận còn nợ ông G số tiền 270.000.000 đồng hẹn đến ngày 28/3/2018 sẽ trả nợ; đối với số tiền 250.000.000 đồng thì cam kết đến ngày 27/3/2018 sẽ trả nợ. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bà V còn nợ ông G số tiền 520.000.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V phải trả số tiền 520.000.000 đồng cho ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn là ông Thân Đức G khởi kiện đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" (yêu cầu trả nợ). Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V có địa chỉ cư trú tại: Nhà số 19 Đường Đ, phường E, quận C, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt cả 02 lần Tòa án mở phiên tòa. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử vắng mặt bị đơn.

[2] ***Về nội dung tranh chấp*****:** Căn cứ vào lời khai các bên có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cùng với các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Ông Thân Đức G yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V phải trả cho ông số tiền tổng cộng là 520.000.000 đồng *(năm trăm hai mươi triệu đồng)*. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp, ông G đã nộp chứng cứ cho Tòa án gồm:

- 02 tờ giấy nhận tiền (bản gốc). Trong đó: 01 giấy nhận tiền ngày 10/10/2013 có chữ ký và ghi họ, tên của bà Nguyễn Thị Hồng V. Nội dung trong giấy này là bà V có nhận của ông G số tiền 250.000.000 đồng; 01 giấy nhận tiền ngày 19/12/2014 do bà V viết và ký tên, ghi họ tên. Nội dung trong giấy này là bà V có nhận của ông Thân Đức G số tiền 270.000.000 đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- 02 giấy hẹn trả tiền do bà V viết và ký tên trên 02 bản phô tô copy của giấy nhận tiền. Trong đó: 01 giấy hẹn trả tiền ghi ngày 16/1/2018, có nội dung là bà Nguyễn Thị Hồng V hẹn đến ngày 28/3/2018 sẽ trả đủ số tiền theo giấy nhận tiền ngày 19/2/2014 cho ông Thân Đức G; 01 giấy hẹn không ghi ngày, tháng, năm, có nội dung là bà V hẹn đến ngày 27/3/2018 sẽ trả cho ông G số tiền theo giấy nhận tiền ngày 10/10/2013.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà V xác nhận nội dung và chữ ký của bà trong các giấy nhận tiền và hẹn trả tiền nêu trên là đúng. Bà V thừa nhận có hai lần nhận tiền của ông Thân Đức G với tổng số tiền là 520.000.000 đồng

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xet xử nhận định đây là Hợp đồng dân sự về việc vay tài sản mà trong đó các bên đương sự không có cam kết về lãi suất.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Hồng V đã vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả tiền.

* *Đối với ý kiến của bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V*:

Bà V cho rằng số tiền mà ông G đưa cho bà đến nay bà đã trả hết cho ông G. Kèm theo ý kiến phản bác này, bà V nộp cho Tòa án các chứng cứ gồm:

- 01 giấy nhận tiền ngày 11/5/2015 do ông Thân Đức G viết và ký tên. Nội dung là ông G có nhận của bà V số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng);

- 01 giấy nhận tiền ngày 19/01/2017 do ông Thân Đức G viết và ký tên. Nội dung là ông G có nhận của bà V số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

- 01 ủy nhiệm chi ngày 23/5/2017 của Ngân hàng Techcombank. Nội dung ghi người chuyển tiền là bà Nguyễn Thị Hồng V, người nhận tiền là ông Thân Đức G, số tiền chuyển, nhận là 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng);

- 01 giấy nhận tiền ngày 02/01/2018 do ông Thân Đức G viết và ký tên. Nội dung là ông G có nhận của bà V số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Xét lời trình bày và các chứng cứ nêu trên của bị đơn thì thấy: Toàn bộ các giấy nhận tiền (kể cả ủy nhiệm chi) do ông G nhận tiền của bà V đều xác định thời gian từ ngày 02/01/2018 trở về trước. Trong khi đó, giấy hẹn trả tiền do bà V viết là ngày 16/01/2018 và hẹn thời gian trả tiền là ngày 27 và 28/3/2018 là đều sau thời điểm ngày 02/01/2018.

Như vậy xác định số tiền mà bà V đã nhận của ông G theo giấy nhận tiền ngày 10/10/2013 và giấy nhận tiền ngày 19/12/2014, với tổng số tiền 520.000.000 đồng là bà V chưa trả cho ông G, nên bà V đã vi phạm các cam kết trong các giấy hẹn nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Thân Đức G số tiền 520.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều: 463,466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Thân Đức G không yêu cầu bà V phải trả tiền lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX không xem xét.

[3] ***Về án phí:*** Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là: 20.000.000đ + (520.000.000 đ - 400.000.000đ) x 4% = 24.800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn ông Thân Đức G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V phải trả cho ông Thân Đức G số tiền 520.000.000 đ (năm trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 24.800.000 đ (hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Thân Đức G số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.240.000 đồng tại biên lai thu số 0003959, ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Dân